TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị T**. Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lâm Ngọc M**. Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/04/2025, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/7/2025, nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:

Năm 2009 bà Thạch Thị T và ông Lâm Ngọc M tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 09/9/2013.

Thời gian đầu bà và ông Lâm Ngọc M sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải nhau, thiếu sự quan tâm chăm sóc dẫn đến tình cảm rạn nứt, bà và ông Lâm Ngọc M đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống thì bà và ông Lâm Ngọc M có 02 con chung gồm: Cháu Lâm Thiện P, sinh ngày 19/11/2010 và cháu Lâm Thừa Q, sinh ngày 03/8/2012.

Nay bà Thạch Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Thạch Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Ngọc M.

Về con chung: Bà đồng ý giao 02 con chung gồm: Cháu Lâm Thiện P, sinh ngày 19/11/2010 và cháu Lâm Thừa Q, sinh ngày 03/8/2012 cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lâm Ngọc M: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lâm Ngọc M, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Lâm Ngọc M vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn bà Thạch Thị T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Lâm Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị T đối với bị đơn ông Lâm Ngọc M, giải quyết cho bà Thạch Thị T và ông Lâm Ngọc M ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lâm Thiện P, sinh ngày 19/11/2010 và cháu Lâm Thừa Q, sinh ngày 03/8/2012 cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lâm Ngọc M không yêu cầu bà Thạch Thị T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Thạch Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Ngọc M; Về con chung: Bà đồng ý giao cháu Lâm Thiện P, sinh ngày 19/11/2010 và cháu Lâm Thừa Q, sinh ngày 03/8/2012 cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Thạch Thị T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Lâm Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T và Lâm Ngọc M tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149/2013, quyển số 02/2012-013 vào ngày 09/9/2013 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị T và ông Lâm Ngọc M là hợp pháp. Bà Thạch Thị T trình bày trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Lâm Ngọc M phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải nhau, thiếu sự quan tâm chăm sóc dẫn đến tình cảm rạn nứt, bà và ông Lâm Ngọc M đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Cho nên bà Thạch Thị T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Ngọc M. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm tìm ra được cách thức để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bị đơn ông Lâm Ngọc M không có ý kiến, cũng không đến tham dự phiên hòa giải, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà Thạch Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Ngọc M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị T và giải quyết cho bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Lâm Ngọc M.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà Thạch Thị T và ông Lâm Ngọc M có 02 con chung gồm cháu Lâm Thiện P, sinh ngày 19/11/2010 và cháu Lâm Thừa Q, sinh ngày 03/8/2012. Bà Thạch Thị T đồng ý giao cả 02 con chung là cháu Lâm Thiện P và cháu Lâm Thừa Q cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay cháu Lâm Thiện P và cháu Lâm Thừa Q đang sống chung với ông Lâm Ngọc M và bà Thạch Thị T cũng tự nguyện giao hai con cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Lâm Ngọc M cũng không có ý kiến phản đối về việc bà Thạch Thị T giao con cho ông nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Lâm Thiện P và cháu Lâm Thừa Q, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lâm Thiện P và cháu Lâm Thừa Q cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Lâm Ngọc M không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Lâm Ngọc M.

- Về con chung: Giao 02 (hai) cháu Lâm Thiện P, sinh ngày 19/11/2010 và cháu Lâm Thừa Q, sinh ngày 03/8/2012 cho ông Lâm Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lâm Thiện P và cháu Lâm Thừa Q đủ 18 (Mười tám) tuổi. Bà Thạch Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Lâm Ngọc M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà Thạch Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thạch Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu

tiền số 0006031 ngày 03 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ); Như vậy, bà Thạch Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bị đơn ông Lâm Ngọc M không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam